

Số: **13** /2011/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày **28** tháng **3** năm 2011

THÔNG TƯ

Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học,

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quyết định:

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 5 năm 2011. Các quy định trước đây trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Tiểu học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc các sở giáo dục và đào tạo, Hiệu trưởng các trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục và Giám đốc các trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp hoạt động theo loại hình tư thục chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Tuyên giáo TW;
- UB VHGD TNTN-NĐ của Quốc hội;
- Kiểm toán nhà nước;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Website Chính phủ;
- Website Bộ GDĐT;
- Như Điều 3;
- Công báo;
- Lưu: VT, Vụ PC, Vụ GDTrH.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Vinh Hiền

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục
(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT
ngày 29 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Chương I **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học, trung tâm kỹ thuật tổng hợp – hướng nghiệp hoạt động theo loại hình tư thục (gọi chung là trường phổ thông tư thục), các tổ chức, cá nhân có liên quan, bao gồm: những quy định chung; tổ chức và hoạt động của trường phổ thông tư thục; giáo viên, cán bộ, nhân viên và học sinh; cơ sở vật chất, tài chính và tài sản; thanh tra, kiểm tra, kiểm định chất lượng giáo dục, khen thưởng và xử lý vi phạm.

Điều 2. Vị trí của trường phổ thông tư thục trong hệ thống giáo dục quốc dân

1. Trường phổ thông tư thục là cơ sở giáo dục phổ thông thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, do tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế hoặc cá nhân tự đảm bảo kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và hoạt động bằng vốn ngoài ngân sách Nhà nước; được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập và hoạt động giáo dục.

2. Trường phổ thông tư thục có tư cách pháp nhân, có con dấu và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước hoặc Ngân hàng thương mại.

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn của trường phổ thông tư thục

1. Trường phổ thông tư thục có nhiệm vụ và quyền hạn như trường công lập theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học; Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Quy chế về tổ chức và hoạt động của trung tâm kỹ thuật tổng hợp – hướng nghiệp tương ứng đối với mỗi cấp học (sau đây gọi tắt là Điều lệ trường phổ thông) trong việc thực hiện mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục và các quy định liên quan đến giảng dạy, học tập, thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp, cấp văn bằng, chứng chỉ và các quy định tại Quy chế này.

2. Trường phổ thông tư thục tự chủ và tự chịu trách nhiệm về thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển, tổ chức các hoạt động giáo dục, xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên, huy động, sử dụng và quản lý các nguồn lực để thực hiện mục tiêu giáo dục phổ thông.

3. Trường phổ thông tư thục có trách nhiệm báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định và yêu cầu của các cơ quan quản lý.

4. Trường phổ thông tư thục thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Chính sách ưu đãi

Trường phổ thông tư thục được Nhà nước giao hoặc cho thuê đất, cơ sở vật chất, hỗ trợ ngân sách khi thực hiện nhiệm vụ do Nhà nước giao; được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng và chính sách ưu đãi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Phân cấp quản lý

Trường phổ thông tư thục chịu sự quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân các cấp theo quy định của Luật Giáo dục và các quy định có liên quan khác; chịu sự quản lý trực tiếp của phòng giáo dục và đào tạo đối với trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở, của sở giáo dục và đào tạo đối với trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 6. Cơ cấu tổ chức trường phổ thông tư thục

Trường phổ thông tư thục có cơ cấu tổ chức bảo đảm các yêu cầu về cơ cấu tổ chức quy định trong Điều lệ nhà trường và phù hợp với điều kiện, quy mô của trường, bao gồm:

1. Hội đồng quản trị (nếu có);
2. Ban Kiểm soát;
3. Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng hoặc Giám đốc và các Phó Giám đốc (đối với trung tâm kỹ thuật tổng hợp – hướng nghiệp);
4. Các tổ chuyên môn;
5. Tổ văn phòng;
6. Tổ chức đảng và các tổ chức đoàn thể;
7. Các lớp, tổ học sinh, khối lớp;
8. Hội đồng thi đua và khen thưởng; Hội đồng kỷ luật và các hội đồng tư vấn khác do Hiệu trưởng thành lập theo yêu cầu cụ thể của từng công việc.

Điều 7. Đại hội đồng thành viên góp vốn

1. Đại hội đồng thành viên góp vốn gồm tất cả các thành viên góp vốn và đều có quyền biểu quyết. Số phiếu biểu quyết của từng thành viên tương ứng với phần vốn góp do Quy chế tổ chức và hoạt động của trường quy định.

2. Đại hội đồng thành viên góp vốn có các quyền và nhiệm vụ sau:

a) Xác định mục tiêu, phương hướng xây dựng và phát triển trường.

b) Bầu, miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát; giải quyết yêu cầu đột xuất về việc bổ sung, thay đổi thành viên Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ, đề nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định công nhận.

c) Thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, báo cáo tài chính hàng năm của trường.

d) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của trường.

đ) Thông qua các quy định nội bộ của trường về tiêu chuẩn lựa chọn Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Hiệu trưởng.

3. Đại hội đồng thành viên góp vốn họp thường kỳ mỗi năm một lần hoặc họp đột xuất theo quyết định của Hội đồng quản trị. Phiên họp của Đại hội đồng thành viên góp vốn do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì và được công nhận là hợp lệ khi có số thành viên góp vốn sở hữu ít nhất 51% tổng số vốn điều lệ có mặt.

Trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng Quy chế tổ chức và hoạt động của trường thì Ban kiểm soát được quyền triệu tập Đại hội đồng thành viên góp vốn họp bất thường, đồng thời thông báo cho Hội đồng quản trị biết.

4. Nội dung các cuộc họp phải được ghi biên bản và được thông qua tại cuộc họp, phải có chữ ký của người chủ trì và của thư ký cuộc họp. Các quyết nghị của cuộc họp được thông qua bằng hình thức biểu quyết hoặc bằng phiếu kín tại cuộc họp và chỉ có hiệu lực khi được quá nửa số phiếu tán thành.

Điều 8. Hội đồng quản trị

1. Trường có từ hai thành viên góp vốn trở lên phải có Hội đồng quản trị .

2. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý và là tổ chức đại diện duy nhất cho quyền sở hữu của trường, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các quyết nghị của Đại hội đồng thành viên góp vốn và có quyền quyết định những vấn đề về tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản, quy hoạch, kế hoạch và phương hướng đầu tư phát triển của trường phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng thành viên góp vốn bầu và được cấp có thẩm quyền ra quyết định công nhận. Hội đồng quản trị có từ 2 đến 11 thành

viên, gồm có Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu cần thiết) và các thành viên.

Đối tượng tham gia Hội đồng quản trị là những người có vốn góp xây dựng trường hoặc người đại diện cho tổ chức hoặc cá nhân có số vốn góp theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của trường.

Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 5 năm tính từ ngày có quyết định công nhận của cấp có thẩm quyền.

4. Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đầu tiên do tổ chức hoặc cá nhân đề nghị thành lập trường đề cử. Từ nhiệm kỳ thứ hai, việc thành lập Hội đồng quản trị được thực hiện theo nguyên tắc bầu phiếu kín tại cuộc họp Đại hội đồng thành viên góp vốn;

5. Hội đồng quản trị họp thường kỳ ba tháng một lần. Các cuộc họp bất thường do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi có ít nhất 1/3 số thành viên Hội đồng quản trị đề nghị.

Phiên họp của Hội đồng quản trị được công nhận là hợp lệ khi có mặt từ 3/4 số thành viên của Hội đồng quản trị trở lên. Các thành viên của Hội đồng quản trị bình đẳng về quyền biểu quyết.

Nội dung các cuộc họp phải được ghi biên bản và thông qua tại cuộc họp, phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và thư ký cuộc họp. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua bằng hình thức biểu quyết hoặc bằng phiếu kín tại cuộc họp và chỉ có hiệu lực khi được quá nửa số thành viên của Hội đồng quản trị nhất trí. Trường hợp số phiếu tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

6. Việc bổ sung, thay đổi thành viên Hội đồng quản trị phải được Đại hội đồng thành viên góp vốn thông qua bằng hình thức bỏ phiếu kín.

Trường hợp số thành viên của Hội đồng quản trị giảm quá 1/3 so với số lượng quy định của Quy chế tổ chức và hoạt động của trường thì trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ khi số thành viên của Hội đồng quản trị giảm quá quy định nêu trên, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng thành viên góp vốn để bầu bổ sung thành viên của Hội đồng quản trị.

Đối với trường có 2 thành viên góp vốn, nếu trường giảm 1 thành viên góp vốn và trở thành trường do 1 cá nhân hoặc tổ chức đầu tư toàn bộ kinh phí xây dựng và điều hành hoạt động của trường thì chuyển sang áp dụng quy định đối với trường không có Hội đồng quản trị quy định tại Điều 11 của Quy chế này.

7. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm nếu có hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc vi phạm nghiêm trọng Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, bị Đại hội đồng thành viên góp vốn đề nghị bãi nhiệm; được miễn nhiệm trong trường hợp bị chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc từ chức.

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Xây dựng định hướng chiến lược phát triển và kế hoạch hoạt động hàng năm của trường để trình Đại hội đồng thành viên góp vốn tại các kỳ họp.

2. Xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của trường để trình Đại hội đồng thành viên góp vốn xem xét thông qua; kiến nghị Đại hội đồng thành viên góp vốn xem xét, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định của trường khi cần thiết hoặc kiến nghị việc bổ sung, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của Hội đồng quản trị.

3. Xây dựng và ban hành các quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức thu, chi tài chính của trường; quy định về việc hoàn vốn, rút vốn và chuyển nhượng vốn phù hợp với quy định của pháp luật về chế độ quản lý tài chính.

4. Huy động các nguồn vốn để xây dựng trường; phê duyệt dự toán và quyết toán ngân sách hàng năm do Hiệu trưởng nhà trường trình; giám sát việc quản lý tài chính và tài sản của nhà trường; báo cáo về tài chính hàng năm của trường tại cuộc họp để Đại hội đồng thành viên góp vốn xem xét thông qua.

5. Đề cử và đề nghị công nhận hoặc hủy bỏ việc công nhận Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng; trình cơ quan có thẩm quyền ra quyết định.

6. Phê duyệt phương án tổ chức bộ máy, biên chế, nhân sự của trường trên cơ sở đề xuất của Hiệu trưởng.

7. Có kế hoạch và tổ chức giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của trường, giám sát việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị, giám sát Hiệu trưởng và Kế toán trưởng trong việc chấp hành các quy định của Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo và cơ quan quản lý trực tiếp.

9. Triệu tập Đại hội đồng thành viên góp vốn họp thường kỳ mỗi năm một lần hoặc họp đột xuất khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 10. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đứng đầu Hội đồng quản trị, do Hội đồng quản trị bầu bằng hình thức bỏ phiếu kín và được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trình độ đào tạo tối thiểu bằng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên tương ứng với mỗi cấp học.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể đồng thời giữ chức vụ Hiệu trưởng nếu có đủ các tiêu chuẩn của Hiệu trưởng được quy định tại khoản 1 Điều 13 của Quy chế này.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Chỉ đạo, điều hành hoạt động của Hội đồng quản trị; có quyền triệu tập các cuộc họp của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm chính về các quyết nghị

của Hội đồng quản trị, giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết nghị của Hội đồng quản trị; chủ trì các cuộc họp của Đại hội đồng thành viên góp vốn.

b) Chịu trách nhiệm trước các cơ quan quản lý về toàn bộ hoạt động của nhà trường và kiểm soát việc điều hành của Hiệu trưởng;

c) Ký hợp đồng lao động với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng sau khi được cấp có thẩm quyền công nhận.

d) Được quyền điều hành bộ máy tổ chức và sử dụng con dấu của trường trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và ký các văn bản, quyết định của Hội đồng quản trị.

đ) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo Quy chế tổ chức và hoạt động của trường.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt trong thời gian từ 3 tháng trở lên, phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu có) hoặc một thành viên của Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch. Việc ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản và được thông báo công khai, đồng thời báo cáo cho cơ quan quản lý trực tiếp. Thời gian ủy quyền không quá 6 tháng và không được áp dụng việc ủy quyền hai lần liên tiếp.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm thì cấp có thẩm quyền công nhận sẽ triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bầu một trong số các thành viên làm Quyền chủ tịch Hội đồng quản trị. Việc bầu và công nhận Quyền Chủ tịch Hội đồng quản trị được thực hiện theo nguyên tắc như bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị. Thời gian giữ chức Quyền chủ tịch Hội đồng quản trị không quá 6 tháng kể từ ngày có quyết định công nhận và không áp dụng thực hiện hai lần liên tiếp đối với một cá nhân.

Điều 11. Trường phổ thông tư thực không có Hội đồng quản trị

1. Trường phổ thông tư thực do 1 cá nhân hoặc tổ chức (sau đây gọi chung là Nhà đầu tư) đầu tư toàn bộ kinh phí xây dựng và kinh phí hoạt động của trường thì không có Hội đồng quản trị.

2. Nhà đầu tư có nhiệm vụ và quyền hạn như Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 9 và khoản 4 Điều 10 của Quy chế này. Nhà đầu tư có thể làm Hiệu trưởng nếu có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 13 của Quy chế này.

3. Nếu Hiệu trưởng không phải là Nhà đầu tư thì phải chịu trách nhiệm trước Nhà đầu tư về việc thực hiện các nhiệm vụ, và quyền hạn quy định tại khoản 4 Điều 13 của Quy chế này.

Điều 12. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát của trường phổ thông tư thực do Hội đồng quản trị thành lập, có số lượng từ 3 đến 5 thành viên, trong đó có đại diện những người góp vốn, giáo viên và nhân viên, đại diện cha mẹ học sinh. Ban kiểm soát phải có ít

nhất 1 thành viên có chuyên môn nghiệp vụ kế toán. Trưởng Ban kiểm soát do Hội đồng quản trị bầu trực tiếp.

2. Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Hiệu trưởng, Kế toán trưởng; không phải là cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của thành viên Hội đồng quản trị, Hiệu trưởng, Kế toán trưởng của trường.

3. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

4. Ban kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Kiểm tra, giám sát các hoạt động của nhà trường, của Hội đồng quản trị, Ban Giám hiệu và các đơn vị, tổ chức trong trường.

b) Kiểm tra, giám sát mọi hoạt động tài chính của trường và thực hiện chế độ tài chính công khai.

c) Định kỳ thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của mình và nội dung các báo cáo, kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát trước khi chính thức thông qua Đại hội đồng thành viên góp vốn.

d) Báo cáo Đại hội đồng thành viên góp vốn về kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động của nhà trường tại các kỳ họp của Đại hội đồng thành viên góp vốn.

đ) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo Quy chế tổ chức và hoạt động của trường.

Điều 13. Hiệu trưởng

1. Hiệu trưởng trường phổ thông tư thục phải là người có đủ các tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ trường phổ thông, khi được đề cử không quá 70 tuổi và không là công chức, viên chức trong biên chế nhà nước.

2. Hiệu trưởng là người trực tiếp quản lý và điều hành hoạt động của nhà trường; chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan quản lý giáo dục và Hội đồng quản trị (nếu có) về việc tổ chức, điều hành các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, bảo đảm chất lượng giáo dục và hoạt động của trường trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Nhiệm kỳ của Hiệu trưởng là 5 năm.

3. Đối với trường phổ thông tư thục có Hội đồng quản trị, Hiệu trưởng do Hội đồng quản trị đề cử và bầu theo nguyên tắc bỏ phiếu kín với quá nửa số phiếu tán thành; được Đại hội đồng thành viên góp vốn thông qua và cấp có thẩm quyền ra quyết định công nhận.

4. Đối với trường phổ thông tư thục có Hội đồng quản trị, ngoài nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều lệ trường phổ thông và các quy định tại khoản 2 Điều này, Hiệu trưởng trường phổ thông tư thục còn có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;

—

b) Tổ chức triển khai việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực, hoạt động dạy học và các hoạt động khác của trường theo quy định, bảo đảm chất lượng, đúng quy định của pháp luật và kế hoạch đã được Hội đồng quản trị phê duyệt nhằm thực hiện mục tiêu phát triển nhà trường;

c) Dự kiến tổ chức bộ máy, biên chế và nhân sự của trường trình Hội đồng quản trị phê duyệt; trực tiếp ký hợp đồng lao động sử dụng giáo viên, nhân viên; bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên và người học theo quy định của pháp luật sau khi được Hội đồng quản trị thông qua.

d) Lập dự toán và quyết toán ngân sách hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê duyệt; tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính theo quy định của trường; báo cáo định kỳ với Hội đồng quản trị và các cấp quản lý liên quan về công tác tài chính và các hoạt động của nhà trường;

đ) Bảo đảm trật tự, an ninh và bảo vệ môi trường, an toàn trong trường;

e) Được tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị (nếu không phải là thành viên) nhưng không có quyền biểu quyết; có trách nhiệm báo cáo trước Đại hội đồng thành viên góp vốn về các hoạt động dạy học của trường; có quyền bảo lưu ý kiến không nhất trí với quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo cơ quan quản lý giáo dục trực tiếp xem xét, xử lý.

4. Trong cùng một thời gian, một người chỉ được làm Hiệu trưởng của một trường phổ thông tư thục.

Điều 14. Chương trình giáo dục

1. Trường phổ thông tư thục có trách nhiệm thực hiện chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học và kế hoạch thời gian năm học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Trường phổ thông tư thục phải bảo đảm việc dạy đủ và đúng tiến độ chương trình cho cấp học, lớp học; thực hiện đầy đủ các hoạt động giáo dục toàn diện cho học sinh.

3. Trường phổ thông tư thục cấp trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông được bổ sung thời gian học tập không quá 4 tuần/ năm ngoài quy định đối với trường phổ thông công lập cùng cấp học nhưng không thu thêm học phí cho thời gian học bổ sung.

Chương III GIÁO VIÊN, CÁN BỘ, NHÂN VIÊN VÀ HỌC SINH

Điều 15. Tiêu chuẩn, quyền và nhiệm vụ của giáo viên, cán bộ, nhân viên

1. Giáo viên trường phổ thông tư thục phải có đủ các tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn và sức khỏe theo quy định của Luật giáo dục và Điều lệ trường phổ thông.

2. Nhiệm vụ và quyền của giáo viên, cán bộ, nhân viên:

a) Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo hợp đồng lao động đã ký với nhà trường; có nhiệm vụ và quyền theo quy định của Luật giáo dục và Điều lệ trường phổ thông.

b) Được hưởng chế độ tiền công, tiền lương, tiền thưởng do trường chi trả theo hợp đồng lao động, được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và có quyền tham gia các tổ chức xã hội và đoàn thể theo quy định của pháp luật.

c) Giáo viên được khen thưởng khi có thành tích theo quy định của các cấp quản lý giáo dục, nếu có đủ các tiêu chuẩn theo quy định thì được xét phong tặng các danh hiệu Nhà giáo ưu tú, Nhà giáo nhân dân và Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục.

Điều 16. Yêu cầu về tỉ lệ giáo viên cơ hữu và định mức giáo viên, nhân viên

1. Trường phổ thông tư thục phải bảo đảm từ năm học đầu tiên tỉ lệ giáo viên cơ hữu so với tổng số giáo viên theo quy định đối với trường phổ thông công lập ở cấp học tương ứng như sau: cấp tiểu học có 100%; cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có ít nhất 40%.

2. Số giáo viên và nhân viên của trường phổ thông tư thục phải bảo đảm không thấp hơn quy định của Nhà nước về định mức giáo viên đối với từng cấp học về giáo viên, nhân viên.

Điều 17. Tuyển dụng cán bộ quản lý, giáo viên cơ hữu và nhân viên

Cán bộ quản lý, giáo viên cơ hữu, nhân viên của trường phổ thông tư thục là những người không phải là công chức, viên chức nhà nước; được nhà trường tuyển dụng và áp dụng các chế độ làm việc và thực hiện chính sách theo quy định của pháp luật lao động.

Điều 18. Nhiệm vụ và quyền của học sinh

Học sinh trường phổ thông tư thục có quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ trường phổ thông; được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của Nhà nước.

Chương IV CƠ SỞ VẬT CHẤT, TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 19. Cơ sở vật chất

Trường phổ thông tư thục có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị theo quy định của Điều lệ trường phổ thông và các quy định về thiết bị giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.



Điều 20. Tài chính và tài sản

1. Chế độ tài chính: Trường phổ thông tư thực hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện góp vốn, tự chủ về tài chính, tự cân đối thu chi; thực hiện các quy định của pháp luật về chế độ kế toán, kiểm toán, nghĩa vụ với ngân sách nhà nước và những quy định hiện hành khác liên quan.

2. Nguồn tài chính của trường phổ thông tư thực bao gồm:

- a) Vốn góp của tổ chức, cá nhân thành lập trường và nguồn tài chính bổ sung từ kết quả hoạt động hàng năm của nhà trường;
- b) Học phí, lệ phí thu từ người học theo quy định của pháp luật;
- c) Lãi tiền gửi tại ngân hàng, Kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng;
- d) Các khoản đầu tư, tài trợ, viện trợ, ủng hộ, quà tặng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
- đ) Vốn vay của các ngân hàng, tổ chức tín dụng, cá nhân;
- e) Hỗ trợ từ ngân sách khi thực hiện nhiệm vụ do Nhà nước giao;
- g) Các khoản thu hợp pháp khác.

3. Nội dung chi:

- a) Tiền lương, phụ cấp lương, tiền công, tiền thưởng và các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động; các khoản chi phí cho hoạt động chuyên môn, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường;
- b) Quản lý hành chính;
- c) Đầu tư xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất; chi trả tiền thuê cơ sở vật chất (nếu có); mua sắm tài liệu, trang thiết bị đồ dùng dạy học;
- d) Khấu hao tài sản cố định;
- đ) Trả lãi vốn vay, vốn góp;
- e) Thực hiện nghĩa vụ thuế đối với cơ quan nhà nước;
- g) Chi phúc lợi tập thể, khen thưởng; các hoạt động nhân đạo, từ thiện;
- h) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật và quy chế chi tiêu nội bộ của trường không trái với quy định của pháp luật.

4. Tài sản của trường phổ thông tư thực gồm:

- a) Tài sản ban đầu của các thành viên góp vốn;
- b) Tài sản được hình thành trong quá trình hoạt động của trường;
- c) Tài sản do hiến, tặng, cho hoặc tài trợ, hỗ trợ, viện trợ không hoàn lại;

5. Quản lý tài chính và tài sản:

a) Tài chính và tài sản của trường phổ thông tư thực được hình thành từ các nguồn thu theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều này. Tài chính, tài sản được các tổ chức, cá nhân hiến, tặng, cho hoặc viện trợ không hoàn lại trong quá trình hoạt động không được chia cho các cá nhân, chỉ sử dụng cho lợi ích chung của trường;

b) Nhà trường phải xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và thông qua Đại hội đồng thành viên góp vốn trước khi Chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt để làm cơ sở pháp lý điều hành tài chính của trường;

c) Dự toán và quyết toán hàng năm của trường do Hiệu trưởng trình, Hội đồng quản trị phê duyệt và phải báo cáo công khai tại cuộc họp của Đại hội đồng thành viên góp vốn;

d) Theo định kỳ hàng năm, nhà trường thành lập hội đồng kiểm kê định giá trị tài sản và tái đầu tư, bổ sung tài sản. Trường hợp chuyển đổi tài sản, chuyển nhượng tài sản hoặc ngừng hoạt động dạy học, nhà trường thành lập ban thanh lý tài sản, tổ chức kiểm kê toàn bộ tài sản, thực hiện việc hoàn vốn cho các thành viên góp vốn theo quy định của Hội đồng quản trị;

đ) Nhà trường có trách nhiệm chấp hành đúng quy định của Nhà nước về huy động và sử dụng vốn, thu chi, phân phối kết quả tài chính; chấp hành việc kiểm tra của cơ quan tài chính cấp trên theo quy định của Nhà nước về việc sử dụng kinh phí và tình hình tăng, giảm nguồn vốn của trường. Việc rút vốn và chuyển nhượng vốn thực hiện theo quy định của Hội đồng quản trị và phải đảm bảo sự phát triển và ổn định của nhà trường;

e) Hàng năm, trường tư thực thực hiện chế độ công khai tài chính và lập báo cáo tài chính gửi cơ quan quản lý ngành, cơ quan tài chính và cơ quan thuế cùng cấp theo chế độ kế toán hiện hành; tổ chức công tác kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật;

g) Nhà trường có trách nhiệm thực hiện việc công khai về tài chính, tài sản và năng lực hoạt động theo quy định.

Chương V

THANH TRA, KIỂM TRA, KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 21. Kiểm tra, thanh tra và kiểm định chất lượng giáo dục

1. Trường phổ thông tư thực có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc tự kiểm tra các hoạt động của trường theo các quy định hiện hành.

2. Trường phổ thông tư thực chịu sự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật pháp.

3. Trường phổ thông tư thực có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục theo các quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 22. Cấm lợi dụng danh nghĩa trường phổ thông tư thực

Trường phổ thông tư thực không được cho bất cứ cá nhân, tổ chức nào lợi dụng danh nghĩa, sử dụng cơ sở của trường để tiến hành các hoạt động vi phạm pháp luật, thực hiện các hành vi vụ lợi không đúng với tôn chỉ mục đích hoạt động giáo dục của trường.

Điều 23. Khen thưởng

Các tập thể, cá nhân của trường phổ thông tư thực có thành tích đóng góp phát triển sự nghiệp giáo dục được khen thưởng theo quy định của Nhà nước.

Điều 24. Xử lý vi phạm

Nếu có đủ căn cứ kết luận trường phổ thông tư thực vi phạm pháp luật, vi phạm các quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; không bảo đảm chất lượng giáo dục, không đủ điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ việc giảng dạy, học tập, điều kiện vệ sinh và an toàn thì tùy theo mức độ vi phạm, cơ quan quản lý trực tiếp có trách nhiệm:

1. Chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện, khắc phục và xử lý các vi phạm.
2. Ra quyết định hủy bỏ việc công nhận Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.
3. Ra quyết định tạm ngừng tuyển sinh, đình chỉ hoạt động giáo dục.
4. Trình cơ quan có thẩm quyền ra quyết định giải thể trường.
5. Xử lý các tổ chức, cá nhân có hành vi sai phạm theo quy định của pháp luật.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Vinh Hiển